TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09/10/2019
Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Thanh Tùng;

2. Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Đêm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà 28 ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Lý Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà 28 ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 06/3/2019 (BL 01) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trần Thị D trình bày:

Năm 2000, chị D kết hôn với anh Lý Văn T và được Ủy ban nhân dân xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/9/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số nhà 28 ấp T, xã V, thị xã V. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, chị D với anh T đã có 03 con chung là Lý Văn L (Nam), sinh ngày 20/10/2001; Lý Thị Hồng P (Nữ), sinh ngày 27/3/2003 và Lý Minh ML (Nam), sinh ngày 05/8/2006. Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hòa hợp nên tình cảm ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng, không còn hạnh phúc nữa. Nay, chị Trần Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lý Văn T.

Về con chung: Do em L và em M.L có nguyện vọng sống với mẹ, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 em và yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi người con, cấp dưỡng đến khi em L và em M.L tròn 18 tuổi; đối với em Lý Thị Hồng P có nguyện vọng được sống cùng cha, chị D đồng ý để anh T nuôi dưỡng em P và sẽ cấp dưỡng cho em P tùy theo điều kiện cụ thể.

Về tài sản và nợ chung: Chị D khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp gồm: Giấy chứng nhận kết hôn của anh T với chị D; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của em L, em M.L và em P (BL 02 - 11).

- Đối với bị đơn Lý Văn T: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị D nhưng anh T không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Anh T còn vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp nêu trên cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ cho anh T và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 27/9/2019, bị đơn T vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V (BL 27) về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, điều kiện của các đương sự; việc giao nhận văn bản tố tụng của bị đơn (BL 31) cũng như tình trạng phát triển và nguyện vọng của các em Lý Văn L, Lý Thị Hồng P và Lý Minh M.L (BL 54-56).

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D ly hôn với anh T; giao cho chị D được nuôi dưỡng em L và em M.L, giao cho anh T được nuôi dưỡng em P; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho em L và em M.L theo yêu cầu của chị D, chị D không phải cấp dưỡng cho em P; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định nghĩa vụ chịu án phí đối với các đương sự, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị D khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Lý Văn T và giải quyết quyền nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng cho con. Yêu cầu này của chị D được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lý Văn T đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn T.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của em L, em M.L và em P cũng như việc không phản đối của anh T và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị D về việc kết hôn với anh T, được Ủy ban nhân dân xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/9/2011 và vợ chồng đã có 03 con chung là sự thật. Như vậy, giữa chị D và anh T tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, dù sống chung một nhà nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung; chỉ vì bất đồng quan điểm mà chị D và anh T phát sinh mâu thuẫn, các đương sự không có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình. Mặc dù Tòa án đã 02 lần mở phiên họp, hòa giải để xem xét nguyện vọng, phân tích, động viên cho vợ chồng hàn gắn tình cảm, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh T đều vắng mặt. Như vậy, cùng với việc không phản đối yêu cầu ly hôn của chị D đã chứng tỏ anh T không có nguyện vọng đoàn tụ; vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên chị Trần Thị D với anh Lý Văn T đã không còn tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên, có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị D với anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và cần áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Trần Thị D ly hôn với anh Lý Văn T.

- Tại thời điểm xét xử vụ án, cả 03 con chung của chị D và anh T đều đã trên 07 tuổi, phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ; em L và em M.L có nguyện vọng sống cùng mẹ, em P muốn sống chung với cha. Xét, quá trình chị D và anh T nuôi dưỡng con chung, chính quyền địa phương không phải can thiệp hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng em L, em M.L và em P; đồng thời, việc bày tỏ ý chí của các em là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, các đương sự cũng không phản đối về nguyện vọng của các con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt được tốt hơn và tránh sự xáo trộn nề nếp sinh hoạt, môi trường sống, học tập của các em thì cần căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình để giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng em L và em M.L, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng em P.

Theo Đơn khởi kiện của chị D, được thể hiện rõ ràng tại Thông báo thụ lý vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho anh T, chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho một người con, anh T không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu này của chị D, buộc anh T cấp dưỡng nuôi em L và em M.L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho một em. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho em P, anh T không yêu cầu chị D thực hiện; chị D cũng trực tiếp nuôi dưỡng em L, em M.L và bày tỏ ý chí tự nguyện cấp dưỡng cho em P tùy theo điều kiện thực tế nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Nguyên đơn Trần Thị D tiếp tục khẳng định các đương sự không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lý Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng quy định tại điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Lý Văn T.

2. Về quyền nuôi con chung:

Giao cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng em Lý Văn L (Nam), sinh ngày 20/10/2001 và Lý Minh M.L (Nam), sinh ngày 05/8/2006; giao cho anh Lý Văn T trực tiếp nuôi dưỡng em Lý Thị Hồng P (Nữ), sinh ngày 27/3/2003.

Trong thời gian chị D và anh T nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Buộc anh Lý Văn T cấp dưỡng cho em Lý Văn L và Lý Minh M.L, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/người con (Mỗi tháng cấp dưỡng một triệu đồng cho một người con), hình thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần, cấp dưỡng đến khi em L, em M.L đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật; việc cấp dưỡng của anh T được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị. Chị Trần Thị D không phải cấp dưỡng cho em Lý Thị Hồng P. Vì quyền lợi về mọi mặt của em L, em M.L và em P, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0007840 ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Như vậy, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn Lý Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Chị Trần Thị D có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Lý Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CHU ĐỨC CHƯƠNG

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã V;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.